

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Sàn giao dịch công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 334/TTr-SXD ngày 27 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sàn giao dịch công nghệ với các nội dung như sau:

- 1. Tên dự án:** Sàn giao dịch công nghệ.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Khoa học và Công nghệ.
- 4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:**
 - a) Mục tiêu.**

Sàn giao dịch công nghệ được xây dựng với những mục tiêu như sau:

- Tăng cường xúc tiến, chuyển giao công nghệ, giới thiệu chào bán, kết nối cung cầu và chuyển giao công nghệ thiết bị.

- Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học công nghệ, phục vụ nhu cầu đầu tư, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thông qua hỗ trợ giao dịch công nghệ tại thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Góp phần đẩy mạnh việc thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ Cung cấp thông tin về nguồn cung – cầu công nghệ, chuyên gia tư vấn.

- Hình thành các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn phù hợp với nhu cầu và xu hướng phát triển: năng lượng xanh, năng lượng sạch, sử dụng năng lượng hiệu quả, bền vững giảm phát thải khí nhà kính bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tạo lập liên kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hợp tác giao dịch công nghệ trong nước và quốc tế góp phần hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trong xu thế hợp tác và cạnh tranh toàn cầu.

- Tạo không gian làm việc chung và là nơi tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố Cần Thơ.

- Tổ chức trưng bày sản phẩm công nghệ mới, quy trình thiết bị công nghệ đồng bộ; chuyển giao công nghệ và tạo lập sản công nghệ; ươm tạo và hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp khoa học công nghệ, sản xuất các sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, nhằm phát triển bền vững thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế.

- Tổng diện tích khu đất thuộc quản lý của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Cần Thơ: khoảng 24.006,5 m², gồm:

+ Diện tích đất thuộc khu I: 1.975,6 m².

+ Diện tích đất thuộc khu II: 21.460,9 m².

Diện tích đất thuộc trục đường quy hoạch số 17 chưa được đầu tư: khoảng 3.257 m².

(Dự kiến sử dụng quỹ đất khoảng 5.000 m² thuộc khu II để đầu tư xây dựng Sàn giao dịch công nghệ, mở rộng, chỉnh trang đường giao thông và vỉa hè phần còn lại thuộc đường số 17 phía tiếp giáp khu đất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ làm đường giao thông đầu nối vào công trình).

- Sàn giao dịch công nghệ.

+ Phần xây lắp:

. Xây dựng khối nhà Sàn giao dịch công nghệ:

* Diện tích xây dựng: 2238 m²

* Tổng diện tích sử dụng: 2.754m², trong đó: tầng trệt: 2238m², tầng lửng là 516m² : Trong đó:

STT	Tên phòng	Diện tích (m ²)
I	Tầng trệt	2238
	Không gian trưng bày triển lãm công nghệ	1.508
	Phòng quản lý	35
	Phòng kết nối tư vấn 1	15
	Phòng kết nối tư vấn 2	15
	Phòng không gian ảo	96
	Phòng Data Center	27
	Khu vệ sinh	63
	Phòng phụ trợ	45
	Sảnh, hành lang, cầu thang, giao thông	434
II	Lững	516
	Không gian kết nối, phát triển và thương mại hóa công nghệ	195
	Phòng kết nối tư vấn 1,2,3,4	(19 x 4)
	Phòng không gian tư vấn 1	20
	Phòng không gian tư vấn 2	20
	Khu vệ sinh chung	40
	Phòng Phụ Trợ	22
	Hành lang, cầu thang, sảnh...	143
	Tổng cộng	2.754

. Khu vực triển lãm ngoài trời + sân đường: 2818.2 m²

. Bể nước ngầm phục vụ phòng cháy chữa cháy: khoảng 150 m³

. Hạ tầng kỹ thuật: Cây xanh, cấp thoát nước ngoại vi, phòng cháy chữa cháy, ...

- Phần thiết bị: Thiết bị văn phòng, hệ thống máy lạnh trung tâm, hệ thống camera quan sát.

- Mở rộng đường giao thông đầu nối vào công trình.

Phạm vi mở rộng thuộc trục đường số 17 phần còn lại phía tiếp giáp với khu đất thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, gồm:

- Đường giao thông thảm bê tông nhựa nóng: 1.521m²

- Vía hè (lát gạch bê tông, trồng cây xanh): 1.687m²

- Hệ thống thoát nước.

c) Giải pháp thiết kế:

- Về mặt bằng Sàn giao dịch công nghệ được bố trí xây dựng trong khuôn viên của khu 2 thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (nay

thuộc xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ), được giao đất theo quyết định số 288/QĐ-UBND của Ủy ban nhân thành phố Cần Thơ ngày 04 tháng 02 năm 2016. Riêng phần đường giao thông đầu nối vào công trình sử dụng đất quy hoạch thuộc trục đường số 17), không yêu cầu mở rộng diện tích do đó không cần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Các phương án thiết kế kiến trúc.

- Dự án Sàn giao dịch công nghệ được đầu tư xây dựng tại Khu 2 Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; địa chỉ: số 166, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923), phường An Bình, quận Ninh Kiều nay thuộc xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ). Yêu cầu cơ bản về bố trí mặt bằng theo yêu cầu sử dụng công trình, bố trí mặt bằng giải quyết các vấn đề sau:

- Bảo đảm dây chuyền công năng, tạo sự mật thiết trong quan hệ đối nội cũng như đối ngoại.

- Không gian kiến trúc hài hòa, các phòng chức năng được nối với nhau thông qua hệ thống sảnh, hành lang tạo nên thành một khối thống nhất. Đường nét kiến trúc nhẹ nhàng thể hiện đầy đủ các chi tiết tạo nên một công trình mỹ quan. Hình thức mặt đứng thống nhất theo một nhịp điệu chung mặc dù bên trong là các khu chức năng khác nhau. Ngoài ra, công trình vừa hài hoà với kiến trúc quy hoạch, đồng thời đáp ứng được cho yêu cầu công năng của công trình.

Khu vực không gian triển lãm công nghệ:

- Cao độ thiết kế nền so với mặt sân hoàn thiện là 0,45m. Cao độ nền sàn tầng trệt $\pm 0,00$ tương ứng với cao độ +2,95m (Cao độ Quốc gia, Hòn Dấu).

- Giải pháp mặt cắt: Tầng trệt cao 4,5m; lửng 4,5m, , mái cao 6m. Tổng chiều cao khối công trình (tính từ cao độ nền hoàn thiện, cao độ 0,00 kiến trúc) là: +15,0m.

- Một số giải pháp về vật liệu kiến trúc cơ bản được thực hiện cho công trình:

+ Nền khu triển lãm: bê tông cốt thép xoa bề mặt phủ keo Epoxy

+ Nền sảnh: gạch Granite nhám 600x600, vữa lát M75

+ Nền các phòng chức năng: gạch Granite nhám 600x600, vữa lát M75

+ Nền vệ sinh lát gạch Granite nhám 300x300, vữa lát M75.

+ Hệ thống cửa sổ, cửa đi sử dụng cửa nhôm kính, khung bảo vệ sắt hoặc inox 304.

+ Tường xây gạch không nung, vữa M75. Tường bao che dày 200, 100 (tùy vị trí và mục đích sử dụng), trát vữa M75, dày 15, trét matic và sơn nước 1 lớp lót và 2 lớp phủ.

+ Nhà vệ sinh đóng trần tấm prima, khung kim loại nổi hoặc trần nhôm.

+ Cầu thang: Bê tông cốt thép, mặt bậc lát đá granite, tay vịn cầu thang bằng inox, bậc thang đổ bê tông đá (1x2)cm hoặc xây gạch không nung.

+ Tùy vào nhu cầu thực tế tường bên trong nhà và ngoài hành lang ốp gạch ceramic 300x600. Tường trong nhà vệ sinh ốp gạch ceramic 300x600mm.

- Dùng vật liệu thích hợp để cách nhiệt chống nóng cho trần, mái.

- Vật liệu bao che: Sử dụng tấm ốp hợp kim nhôm alumin, tường bao che bằng tường gạch không nung (block bê tông hoặc gạch ống gạch thẻ không nung) là vật liệu phổ thông, thi công nhanh giá thành rẻ, tường được sơn nước và ốp gạch đối với tường mặt trên tại các bồn bông, bồn hoa.

- Ngoài việc thiết kế các loại vật liệu cơ bản nói trên, về mặt giải pháp kiến trúc, công trình còn được chú trọng về việc thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên.

- Khối xây dựng mới của công trình còn được bố trí 02 cầu thang bộ tăng cường giao thông đứng và đáp ứng yêu cầu quy định về thoát hiểm, thoát nạn khi có sự cố xảy ra.

- Hệ thống điện: Hệ thống cấp điện đường dây, đường ống đi âm tường, âm trần, sử dụng đèn led tiết kiệm điện, toàn bộ các vật tư sử dụng loại tốt.

- Hệ thống cấp, thoát nước: Hệ thống cấp, thoát nước đường ống đi âm tường, âm trần, toàn bộ các vật tư sử dụng loại tốt.

- Sân triển lãm ngoài trời + sân nội bộ: sử dụng gạch Block 300x 300

- Bể nước ngầm: bê tông cốt thép toàn khối, kết hợp phụ gia chống thấm.

- Hệ thống cấp thoát nước ngoại vi: Sử dụng ống nhựa uPVC dùng cho cấp nước, mương hở bê tông cốt thép kết hợp ống uPVC.

- Hệ thống chiếu sáng ngoại vi: Sử dụng đèn led tiết kiệm điện.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy – báo cháy – chống sét: bố trí hệ thống chữa cháy vách tường kết hợp hệ thống báo cháy tự động, riêng hệ thống chống sét sử dụng thiết bị chống sét chủ động bán kính bảo vệ toàn bộ công trình.

d) Phương án kết cấu công trình:

- Móng cọc ép bê tông cốt thép đúc ly tâm.

- Dự kiến chiều dài tim cọc $\geq 26\text{m}$.

- Sức chịu tải cho phép của cọc dự kiến là: $P_{tk} \geq 60$ tấn/cọc

- Cần phải thử tĩnh cọc theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Sau khi có kết quả thử tĩnh (do đơn vị chuyên môn thực hiện thí nghiệm), thiết kế có thể sẽ điều chỉnh lại chiều dài cọc hoặc số lượng cọc cho phù hợp.

- Giải pháp khung: công trình dạng khung cột chịu lực, tường bao che không chịu lực.

- Tường bao che xây tường gạch không nung dày 200, tường ngăn xây tường dày 100 kết hợp vách ngăn nhôm.

e) Phương án về cơ sở hạ tầng

- **Phần sân triển lãm ngoài trời và sân nội bộ:**

+ Sân triển lãm ngoài trời và sân nội bộ đấu nối với đường giao thông bên ngoài. Tổng diện tích sân đường: $2818,2\text{m}^2$. Sân đường làm mới, cao độ hoàn thiện

tại mép sân +2.5m (cao độ Quốc gia, Hòn Dấu) để đảm bảo thoát nước cho công trình. Kết cấu từ trên xuống như sau:

- * Sân lát gạch block 300x300mm.
- * Lớp vữa lót M75 trung bình 30
- * Lớp bê tông đá 4x6cm M100 dày 10cm
- * Cát đen nâng nền tưới nước, đầm chặt $k = 0,95$.
- * Nền đất tự nhiên.

- Phần đường mở rộng đầu nối vào công trình.

Phần đường mở rộng đầu nối vào công trình bao gồm phần đường và vỉa hè trong đó:

+ Phần đường: 1521 m² có kết cấu từ trên xuống như sau:

- * Lớp bê tông nhựa nóng (BTNC 12.5) dày 5cm ($E = 179,95 \text{ MPA}$).
- * Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 0.5kg/m².
- * Lớp bê tông nhựa nóng (BTNC 19) dày 7cm ($E = 169,52 \text{ MPA}$).
- * Lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m².
- * Lớp cấp phối đá dăm loại 1 ($\text{DMAX} = 25\text{mm}$) dày 20cm ($K=0.98$, $E=162.7 \text{ MPA}$).
- * Lớp cấp phối đá dăm loại 2 ($\text{DMAX} = 37,5\text{mm}$) dày 15cm ($K=0.98$, $E=120.13 \text{ MPA}$).
- * Lớp cấp phối đá dăm loại 2 ($\text{DMAX} = 37,5\text{mm}$) dày 15cm ($K=0.98$, $E=85,23 \text{ MPA}$).
- * Lớp vỉa địa kỹ thuật 12KN/N (Mỗi bên chừa dư 1m so với khuôn đường để cuốn lên lớp đá dăm loại 1.

* Đào khuôn đường đến cao độ thiết kế.

* Lớp cát nền san lấp.

+ Phần vỉa hè: 1687 m² có kết cấu từ trên xuống như sau:

- * Lớp gạch block 300x300.
- * Lớp vữa xi măng tạo phẳng M.50 dày 30.
- * Lớp bê tông lót đá 4x6 M.100(B7.5) dày 10cm.
- * Nền cát san lấp ($K=0.95$).

- Hệ thống giao thông: khu vực xây dựng công trình có 4 mặt chính giáp với 4 trục đường trong đó trục đường chính là đường số 17 (Lộ giới 43m) nên phương án thiết kế mặt chính hướng ra trục chính lộ giao thông và kết nối sao cho thuận tiện khi đưa vào sử dụng.

- Hệ thống cấp điện:

Mạng điện trong công trình phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Cấp điện cho công trình được lấy từ nguồn điện lưới khu vực hệ thống điện ngoài nhà được kéo rải trên các trụ bê tông cốt thép, hệ thống điện trong nhà được đi trong các ống bảo vệ và đặt ngầm trong tường.

+ Tủ điện chính được đặt trong khuôn viên trung tâm, tại đây được bố trí các bảng điện tổng và phân phối tất cả hệ thống đường dây được kiểm soát bằng ABTOMAT. Bảng điện điều khiển được bố trí các nơi có bảo vệ và thường trực.

- Hệ thống cấp nước:

+ Nguồn nước lấy từ nguồn nước sạch hiện trạng, nước ngoài nhà. Công trình bố trí 1 bể nước có dung tích tổng cộng 150m^3 kết hợp bể nước hiện trạng 36m^3 dự trữ thường xuyên để phục vụ cho phòng cháy chữa cháy kết hợp phục vụ sinh hoạt.

+ Từ bể chứa, nước được bơm lên bồn Inox đặt trên sân mái để tạo thể năng cột nước ≥ 9 m cao (quy ra thể năng của cột nước).

- Hệ thống thoát nước:

+ Thoát nước sinh hoạt:

* Mạng lưới đường ống thoát nước bên trong nhà tính theo tổng lưu lượng nước tính toán lớn nhất cho nhu cầu sinh hoạt và làm việc.

* Ống đứng được lắp trong hộp gel. Sử dụng ống Ø60 cho thoát nước sàn, Ø90 cho thoát phân.

* Ống nhánh có độ dốc về phía ống đứng từ 3-5%, mỗi nhánh đảm bảo không thu quá 5 xí và có ống kiểm tra tẩy rửa.

* Ống tháo dẫn nước từ bể phốt hay ống đứng ra ngoài, độ dốc từ 3-5%, có đường kính Ø114.

+ Thoát nước mái:

* Ống thoát nước Ø90, số lượng 13 ống.

. Thoát nước ngoại vi:

Nước thải của công trình gồm: thải nước mặt và nước sinh hoạt của công trình.

. Đối với nước mặt (nước mưa) và nước thải sinh hoạt:

Được thu tại các phễu, cửa thu và chảy trong các rãnh lửng trong các hố ga và chảy vào mạng thoát chung, bố trí cống thoát nước D400.

g) Phương án phòng cháy – chữa cháy:

- Nguồn nước chữa cháy:

_Nguồn cung cấp nước: sử dụng nước từ hệ thống cấp nước.

+ Bể luôn đầy nước.

+ Có hệ thống tự động bơm giữ mực nước hoặc có người thường xuyên theo dõi.

- Hệ thống đường ống:

Hệ thống đường ống chính được đi ngầm dưới đất cách mặt sân hoàn thiện là 0,5m. Toàn bộ đường ống sử dụng ống sắt nhúng kẽm nóng đảm bảo áp lực làm

việc theo thiết kế. Các phụ kiện sắt nhúng kẽm nóng, chịu được áp lực tương đương hệ thống ống và chống rỉ.

- Thể tích bể chữa cháy:

Đầu tư bể nước ngầm 150 m^3 đồng thời mở rộng đường ống cấp nước công cộng đảm bảo lượng nước phục vụ phòng cháy chữa cháy theo quy định, thường xuyên có người kiểm tra nhằm đảm bảo tình trạng sẵn sàng hoạt động của hệ thống.

- Máy bơm chữa cháy:

+ Chọn bơm chữa cháy có lưu lượng bằng hoặc lớn hơn $81 (\text{m}^3/\text{giờ})$. Dựa trên ưu thế về giá, mức độ tin cậy khi vận hành, chọn bơm chữa cháy động cơ nổ (diesel) 30,0Hp, lưu lượng $(27\div78)\text{m}^3/\text{giờ}$, cột áp $(71,7\div89,5)\text{m}$.

+ Ngoài ra trang bị thêm một bơm dự phòng có các thông số kỹ thuật tương đương.

- Tủ chữa cháy:

+ Tủ chữa cháy là tủ sơn tĩnh điện chuyên dùng cho PCCC được lắp nổi trên tường (bản vẽ chi tiết), bên trong gồm 1 van góc, 2 cuộn vòi chữa cháy D50 dài 20m, 1 lăng phun D50.

+ Các Tủ-Hộp chữa cháy bố trí tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo chữa cháy được tất cả các khu vực của tòa nhà.

- Các thiết bị khác:

+ Các van mở, van một chiều vận hành được ở áp lực cao và chịu va đập lớn (do áp lực chữa cháy cao). Van mở sử dụng loại van đóng-mở nhanh.

+ Ống nối giảm chấn: giảm chấn động cho hệ thống đường ống khi vận hành máy bơm, chịu được áp lực tối thiểu 10 kg/cm^2 .

+ Van trong tủ và trụ chữa cháy: thuộc loại van mở nhanh và đầu nối chuyên dụng chữa cháy (loại thao tác nhanh).

+ Bình chữa cháy di động: tính cơ động cao, dễ sử dụng, dập tắt đám cháy khi khởi phát.

+ Bộ dụng cụ phá – dỡ: búa chuyên dụng chữa cháy, xà beng, cưa tay, kìm cộng lực. Đặt tại vị trí thuận tiện (nhà bảo vệ), dễ nhìn thấy, tiếp cận và sử dụng

h) Hệ thống chống sét:

- Kim thu sét và cáp thoát sét:

+ Kim thu sét phóng tia tiên đạo được lắp đặt trên mái của Sân giao dịch công nghệ (xem bản vẽ), chiều cao từ bộ đỡ đến đỉnh kim thu sét $h > 5\text{m}$. Chiều cao tính từ đỉnh kim thu đến mái $> 10\text{m}$, bán kính bảo vệ $R \geq 25\text{m}$ – Mức bảo vệ III. Trụ đỡ kim là ống sắt tráng kẽm $\text{Ø}60$ - dày 3,2mm, trụ được sơn hai màu trắng đỏ, phần đế trụ đỡ và cáp neo được lắp đặt xuống mái phải xử lý chống dột. Trụ đỡ kim thu sét có cáp neo theo tam giác đều.

+Cáp thoát sét sử dụng cáp đồng trần chuyên dụng 50mm^2 (đường kính mỗi sợi $\geq 1,7\text{mm}$) được thiết kế tiếp đất theo đường dẫn ngắn nhất, 2 tuyến cáp xuống

hộp kiểm tra điện trở. Phần cáp thoát sét lắp đặt trên trụ đỡ luôn trong ống cách điện (nhựa chống cháy hoặc các hợp chất cách điện tốt), suốt chiều dài cáp thoát sét đi xuống bãi tiếp đất phải được luôn trong ống bảo vệ PVC Ø21-dày tối thiểu 1,6mm. Cáp thoát sét không được uốn khúc đột ngột (góc uốn tối thiểu 120°).

- Hộp kiểm tra điện trở đất:

+ Ở bãi tiếp đất có ít nhất một hộp kiểm tra điện trở đất ở vị trí thuận tiện thao tác kiểm tra, khi thi công bắt buộc ở hộp kiểm tra điện trở đất phải có các tiếp điểm đảm bảo đấu vào mở ra một cách dễ dàng để thuận lợi trong quá trình kiểm tra điện trở đất. Vỏ hộp cách điện với dây dẫn sét, loại chống cháy.

+ Trong hộp có thanh dẫn đồng để kiểm tra điện trở đặt trên các gói cách điện với vỏ hộp.

- Cọc tiếp đất:

+ Hệ thống tiếp đất gồm 11 cọc sắt mạ đồng Ø16 chiều dài cọc 2,4m. Mỗi cọc được đóng cách nhau 3m trên cùng một đường thẳng (xem bản vẽ), cáp dẫn sét được liên kết với cọc tiếp đất bằng 2 ốc xiết cáp chuyên dụng. Đinh cọc tiếp đất chôn sâu tối thiểu 0,8m so với mặt sân hoàn thiện.

+ Khi thi công hệ thống chống sét lắp đặt bãi tiếp đất trước. Hệ thống tiếp đất phải kiểm tra điện trở, nếu điện trở tiếp đất lớn hơn 10 Ohm thì phải đóng thêm cọc tiếp đất hoặc rải thêm hoá chất làm giảm điện trở đất. Khi hệ thống tiếp đất đạt yêu cầu mới được thi công hệ thống dẫn sét và lắp kim thu sét. Kim thu sét chỉ lắp khi hệ thống trụ đỡ và tiếp đất đã hoàn chỉnh, trong điều kiện thời tiết nắng tốt.

Hàng năm vào đầu mùa mưa phải kiểm tra lại điện trở đất và độ bền cơ học của hệ thống.

i) Hệ thống điện:

- Trên trần nhà không có đi các hệ thống kỹ thuật, cáp điện, cáp tín hiệu, không lắp đặt đầu báo cháy.

- Khi bố trí các đường ống kỹ thuật, đường cáp xuyên qua tường, sàn, vách được chèn và xử lý bằng vật liệu không cháy.

- Tất cả mối nối và rẽ nhánh dây dẫn – cáp điện phải được thực hiện trong hộp nối dây, hộp đế, tủ điện hoặc hộp rẽ nhánh.

- Đường dẫn điện đặt kín, dây dẫn có hoặc không có vỏ bảo vệ, cáp điện có vỏ bảo vệ là vật liệu không cháy. Dây dẫn – cáp cáp điện bên ngoài nhà có vỏ không (chậm) cháy hoặc luôn trong ống bảo vệ không cháy.

- Dây dẫn – cáp cáp điện cho đèn thoát hiểm, khối xử lý trung tâm báo cháy và chữa cháy tự động, máy bơm chữa cháy, quạt tăng áp buồng thang, thang máy, ... phải có lớp vỏ là vật liệu không cháy.

- Ở đầu vào công trình phải đặt thiết bị đầu vào hoặc thiết bị phân phối đầu vào. Các thiết bị đầu vào, thiết bị phân phối đầu vào, tủ phân phối chính phải đặt các hộp (tủ) điện hoặc học tường có khoá với khoảng cách không nhỏ hơn 100mm. Tủ và thiết bị phân phối đầu vào sử dụng các tủ có khoá, đặt tại vị trí thuận lợi cho việc thao tác nhưng ít người tiếp cận.

- Hệ thống dẫn điện được bảo vệ bởi các áp tô mát (MCB, MCCB, RCBO, ...) tại từng mạch phân phối vô thiết bị tiêu thụ điện.
- Điện áp cung cấp cho các đèn chiếu sáng chung không được vượt quá 220V.
- Nguồn cấp điện cho đèn khẩn cấp (Emergency) và đèn thoát hiểm (Exit) riêng biệt, sử dụng dây có vỏ chống (chạm) cháy. Bảo vệ sự cố bằng áp tô mát (MCCB, MCB) riêng biệt.
- Đường dây nhóm chiếu sáng trong nhà phải được bảo vệ bằng cầu chảy hoặc máy cắt điện hạ áp với dòng điện danh định không lớn hơn 25A.

k) Trang thiết bị phục vụ cho công trình:

Được đầu tư xây dựng mới bao gồm:

- Thiết bị văn phòng: Bàn, ghế, tủ, tivi, gian hàng trưng bày chuẩn...
- Hệ thống máy lạnh trung tâm: máy lạnh, dàn nóng, dàn lạnh và phụ kiện.
- Hệ thống camera quan sát: camera, đầu ghi, ổ cứng, tivi, bộ lưu điện và các phụ kiện. Hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới 15 KW.

(Đính kèm Danh mục trang thiết bị)

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hòa Bình.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

b) Diện tích sử dụng đất:

- Tổng diện tích khu đất thuộc quản lý của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Cần Thơ: khoảng 24.006,5 m², gồm:
 - + Diện tích đất thuộc khu I: 1.975,6 m².
 - + Diện tích đất thuộc khu II: 21.460,9 m².
 - + Diện tích đất thuộc trục đường quy hoạch số 17 chưa được đầu tư: khoảng 3.257 m².

(Dự kiến sử dụng quỹ đất khoảng 5.000 m² thuộc khu II để đầu tư xây dựng Sàn giao dịch công nghệ, mở rộng, chỉnh trang đường giao thông và vỉa hè phần còn lại thuộc đường số 17 phía tiếp giáp khu đất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ làm đường giao thông đầu nối vào công trình).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

a) Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án Nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

b) Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: trên 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: (Đính kèm Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng).

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 29.976.586.334 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Trong đó:

a) Chi phí xây dựng sau thuế:	21.755.444.247 đồng.
b) Chi phí thiết bị sau thuế:	4.314.276.500 đồng.
c) Chi phí quản lý dự án:	683.500.678 đồng.
d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.085.076.590 đồng.
đ) Chi phí khác:	187.150.036 đồng.
e) Chi phí dự phòng:	951.138.283 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án: Giai đoạn năm 2021-2024.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án và một phần thuê tư vấn quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Công trình xây dựng trong khu đất thuộc quản lý của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Cần Thơ.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước: Không.

15. Các nội dung khác:

Sở Khoa học và Công nghệ (chủ đầu tư) có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định sau khi dự án được phê duyệt, hạn chế tối thiểu phát sinh đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả dự án.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu có năng lực phù hợp, quá trình lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định tránh gây lãng phí và phải đảm bảo chất lượng công trình.

c) Kiểm tra và thực hiện Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn nhà nước.

d) Về kết nối với hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài dự án: Kết nối với tuyến ống cấp thoát nước, đấu nối cấp điện, đấu nối giao thông cần phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

đ) Trước khi khởi công và xây dựng từng hạng mục công trình, chủ đầu tư phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng.

e) Về an toàn lao động phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

g) Chỉ đưa công trình vào sử dụng sau khi đã có chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy; tổ chức nghiệm thu theo Luật Xây dựng.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định sau khi dự án được phê duyệt, hạn chế tối thiểu phát sinh đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *NA*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND TP (1A);
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT.qh *✓*

3239+334

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hà

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
Công trình: Sàn giao dịch công nghệ

(Kèm theo Quyết định số : 770 /UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ).

Bố trí trang thiết bị phục vụ cho công trình Sàn giao dịch công nghệ được đầu tư xây dựng mới bao gồm:

- Thiết bị văn phòng: Bàn, ghế, tủ, tivi, gian hàng trưng bày,...
- Hệ thống máy lạnh trung tâm: máy lạnh, dàn nóng, dàn lạnh và phụ kiện.
- Hệ thống camera quan sát: camera, đầu ghi, ổ cứng, tivi, bộ lưu điện và các phụ kiện. Hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới 15 KW.

TT	Tên thiết bị	SL	ĐVT	GHI CHÚ
I	Danh sách thiết bị văn phòng			
	Không gian trưng bày triển lãm công nghệ			
1	Gian hàng trưng bày chuẩn	80	Bộ	
	Phòng quản lý			
2	Bàn làm việc	3	Cái	
3	Ghế làm việc	3	Cái	
4	Bàn + ghế sofa tiếp khách	1	Bộ	
	Kết nối tư vấn			
5	Tủ hồ sơ	8	Bộ	
6	Bàn họp	6	Cái	
7	Ghế họp	48	Cái	
8	Tivi trình chiếu phòng họp	4	Cái	
	Không gian kết nối, phát triển và thương mại hóa			
9	Kệ trang trí	4	Bộ	
10	Bàn làm việc nhiều người	8	Cái	
11	Bàn làm việc một người	9	Cái	
12	Ghế làm việc	41	Cái	
13	Bộ sofa văn phòng	2	Bộ	
14	Quầy quản lý 2 chỗ ngồi	1	Bộ	
II	Hệ thống máy lạnh trung tâm			



15	Dàn nóng VRA 130 kw	1	Bộ	
16	Dàn lạnh Cassette âm trần đa hướng thổi	7	Bộ	
17	Dàn lạnh giấu trần nối ống gió	9	Bộ	
18	Máy lạnh cục bộ (Packaged âm trần nối ống gió)	10	Bộ	
19	Phụ kiện lắp đặt	1	Bộ	
III	Hệ thống camera giám sát			
20	Camera	20	Cái	
21	Đầu ghi hình	1	Bộ	
22	Ổ cứng 6T	2	Cái	
23	Switch 16 ports	2	Cái	
24	Tivi hiển thị 49 inch	2	Cái	
25	Tủ đầu ghi	1	Cái	
26	Bộ lưu điện UPS 3kVA	1	Cái	
27	Phụ kiện	1	Bộ	
IV	Hệ thống năng lượng mặt trời 15kw			
28	Tấm pin năng lượng mặt trời	34	Tấm	
29	Inverter hòa lưới 3 pha 20KWp	1	Bộ	
30	Phụ kiện lắp đặt	1	Bộ	

DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Công trình: Sàn giao dịch công nghệ

(Kèm theo Quyết định số :770 /UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ).

TT	Số hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn
I	Quy chuẩn áp dụng	
1	QCVN 01:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
2	QCVN 02:2009/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng
3	QCVN 18:2014/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng
4	QCVN 06:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình
5	QCVN 02:2020/BCA	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước chữa cháy
6	QCVN 07:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật
7	QCVN 07:2019/KHCN	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thép làm cốt bê tông
8	QCVN 16:2019/ BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
9	QCVN 03:2012/ BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị
10	QCVN 22:2016/ BYT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
11	QCVN 09:2017/ BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả
12	QCVN 10:2014/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng



13	QCVN 12:2014/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng
II Tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc, kết cấu		
14	TCVN 4319:2012	Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản thiết kế
15	TCVN 4601:2012	Công sở, cơ quan hành chính nhà nước – Yêu cầu thiết kế
16	TCVN 2737:1995	Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.
17	TCVN 5573:2011	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
18	TCVN 9257:2012	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị – Tiêu chuẩn thiết kế
19	TCVN 5574:2018	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
20	TCVN 5575 : 2012	Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế
21	TCVN 9393 : 2012	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục
22	TCVN 9362:2012	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình
23	TCVN 9379:2012	Kết cấu xây dựng và nền – nguyên tắc cơ bản về tính toán.
24	TCVN 10304:2014	Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế
III Tiêu chuẩn thiết kế cấp, thoát nước		
25	TCXDVN 33:2006	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.
26	TCVN 7957:2008	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế
IV Tiêu chuẩn thiết kế cấp điện, chiếu sáng		
27	TCVN 16-1986	Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng
28	TCXD 29:1991	Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng – Tiêu chuẩn thiết kế
29	TCVN 3256:1979	An toàn điện – Thuật ngữ và định nghĩa
30	TCXD 333:2005	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và Hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế
31	TCXD 9206:2012	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công

		cộng – Tiêu chuẩn thiết kế
32	TCVN 9207:2012	Đặt đường dẫn điện trong nhà và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế
33	TCVN 9358:2012	Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – yêu cầu chung
V	Tiêu chuẩn thiết kế phòng cháy, chữa cháy, chống sét	
34	TCVN 7161-1 : 2009	Hệ thống chữa cháy bằng khí – Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống Yêu cầu chung
35	TCVN 2622 : 1995	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế
36	TCVN 6160 : 1996	Phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng – Yêu cầu thiết kế
37	TCVN 5738 : 2021	Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy – Yêu cầu kỹ thuật
38	TCVN 3890 : 2009	Phương tiện phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng
39	TCVN 9385 : 2012	Chống sét cho công trình xây dựng – Tiêu chuẩn thiết kế
40	TCVN 9888-1 : 2013	Bảo vệ chống sét – Phần 1: Nguyên tắc chung
	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành khác có liên quan.	

